

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường vào Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2014 - 2020 và phê duyệt kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh về việc Kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2014 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường vào Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2014 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 79/TTr-SGTVT ngày 24/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2020 và Kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng năm 2019, với các nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường vào Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 – 2020

TT	Địa phương	Theo Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh			Kế hoạch điều chỉnh			Ghi chú
		Số CCN	Chiều dài (Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Số CCN	Chiều dài (Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	
1	An Lão	2	3,90	2476,50	2	3,90	2476,50	Giữ nguyên
2	An Nhơn	7	11,20	7112,00	7	11,20	7112,00	nt
3	Hoài Ân	2	1,70	1079,50	2	1,70	1079,50	nt
4	Hoài Nhơn	3	1,84	1169,04	5	4,15	2635,89	Tăng 2,31Km

5	Phù Mỹ	3	4,15	2635,25	3	4,15	2635,25	Giữ nguyên
6	Tây Sơn	5	5,50	3492,50	5	5,50	3492,50	nt
Tổng cộng		22	28,29	17964,79	24	30,60	19431,64	

2. Kế hoạch đầu tư xây dựng các tuyến đường vào Cụm Công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong năm 2019

TT	Địa phương	Số CCN	Chiều dài (Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)
1	An Lão	01	0,73	463,55
2	Hoài Nhơn	02	2,31	1466,85
3	Tây Sơn	01	0,86	546,10
Tổng cộng		4	3,90	2.476,50

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh.

Điều 3.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính đề xuất nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng các tuyến đường vào Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong năm 2019; báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

- UBND các huyện Hoài Nhơn, An Lão, Tây Sơn bố trí kế hoạch vốn theo cơ cấu nguồn vốn được UBND tỉnh thông qua; chỉ đạo Chủ đầu tư đối với các công trình tại địa phương tổ chức thực hiện theo đúng quy định trong công tác đầu tư xây dựng về huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để triển khai xây dựng đường vào cụm công nghiệp.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Hoài Nhơn, An Lão, Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K19.(M.20b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

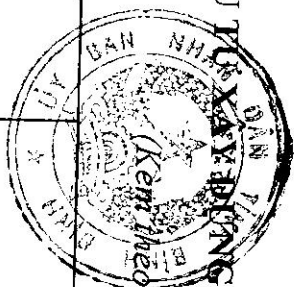
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Cao Thắng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG VÀO CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2019



Quyết định số: **2191/QĐ-UBND** ngày **27/6/2019** của UBND tỉnh

TT	Danh mục công trình	Điểm đầu tuyến	Điểm cuối tuyến	Chiều dài (km)	Lượng xi măng hồ trợ (Tấn)	Quy mô xây dựng tối thiểu		
						B nền (m)	B mặt (m)	Chiều dày (m)
1	An Lão			0,73	463,55			
	Đường vào Cụm CN Gò Cây Dúi	Ngã ba Nhà ông Máy, Km25+450 DT.629	Đường vào nhà máy đá	0,73	463,55	9,00	7,00	0,25
2	Hoài Nhơn			2,31	1466,85			
a	Đường vào Cụm CN Ngọc Sơn	Nút giao đầu cầu ông Rân	Biên quy hoạch phía nam Cụm CN Ngọc Sơn	1,01	641,35	9,00	7,00	0,25
b	Đường vào Cụm CN Hoài Châu	Nút giao đường 26/3 và đường Trần Phú (tuyến tránh QL 1)	Ranh giới Cụm CN Hoài Châu	1,30	825,50	9,00	7,00	0,25
3	Tây Sơn			0,86	546,10			
	Đường vào Cụm CN Gò Cây	Nút giao với QL19B tại Km55+400	Biên quy hoạch Cụm CN Gò Cây	0,86	546,10	9,00	7,00	0,25
Tổng cộng				3,90	2476,50			

74